

**Đế van**  
**VABM-L1-10S-G18-8**  
Số bộ phận: 566564

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                     | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước lưới                              | 10.5 mm                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Số lượng tối đa vị trí van                   | 16                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Áp suất vận hành                             | -0.09 MPA...1 MPA<br>-0.9 bar...10 bar                                                                                                                                                                                                                                                |
| Giấy phép                                    | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Lớp chống ăn mòn KBK                         | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                                | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion          | Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây. |
| Loại phòng sạch                              | Loại 5 theo ISO 14644-1                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Mô-men xoắn siết tối đa để lắp đường ray DIN | 1.5 N m                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Mô-men xoắn siết tối đa cho bộ phận gắn van  | 0.45 N m                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Mô-men xoắn siết tối đa gắn tường            | 3 N m                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                         | 156 g                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 1                           | G1/8                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Cổng nối khí nén 3                           | G1/8                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Ghi chú vật liệu                             | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Vật liệu dải đầu nối                         | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                                                                                                                                                                      |